Mục Lục

LỜI MỞ ĐẦU 3
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ 4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ TNCs 5
1.1. Khái niệm và các lý thuyết về sự ra đời của TNCs 5
1.1.1. Khái niệm 5
1.1.2. Lý thuyết về sự ra đời 5
1.2. Quá trình phát triển và bản chất của các công ty xuyên quốc gia 6
1.3. Các yếu tố tác động tới sự phát triển của TNCs 9
1.4. Phân loại TNCs và so sánh 10
CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA CÁC CÔNG TY XUYÊN QUỐC GIA TRONG NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI 12
2.1. Vai trò của TNCs đối với thương mại quốc tế 12
2.1.1. TNCs đối với thay đổi cơ cấu thương mại quốc tế 12
2.1.2. Trao đổi hàng hóa và dịch vụ của TNCs 14
2.1.3. Mô hình mở rộng hoạt động thương mại quốc tế của TNCs 14
2.2. Vai trò của TNCs đối với đầu tư quốc tế 15
2.2.1. Thúc đẩy lưu thông dòng vốn đầu tư trên thế giới 16
2.2.2. TNCs làm tăng tích lũy vốn của nước chủ nhà 17
2.3. Vai trò của TNCs đối với chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực 19
2.3.1. Vai trò của TNCs với chuyển giao công nghệ. 19
2.3.2. TNCs đối với phát triển công nghệ 21
2.3.3. Những vấn đề đặt ra trong chuyển giao công nghệ. 22
2.4. Vai trò của TNCs đối với tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực 23
2.4.1. Vai trò của TNCs trong tạo việc làm 23
2.4.2. Vai trò của TNCs đối với phát triển nguồn nhân lực 25
2.5. Rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các nước trên thế giới 27
CHƯƠNG 3: TÁC ĐỘNG CỦA TNCs TỚI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM 29
3.1. Tác động tích cực của TNCs trong nền kinh tế Việt Nam 29
3.1.1. Tạo tiềm lực phát triển 29
3.1.2. Tác động tới cán cân thanh toán 30
3.1.3. Tác động tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế 31
3.1.4. Nâng cao năng suất lao động và giải quyết tình trạng thất nghiệp 32
3.2. Những tác động tiêu cực của TNCs tới nền kinh tế Việt Nam 33
3.3. Những vấn đề đặt ra đối với hoạt động thu hút TNCs ở Việt Nam 34

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

3.3.1. Tạo lấp đối tác đầu tư trong nước 34
3.3.2. Thay đổi cơ chế quản lý và bộ máy hành chính 34
3.3.3. Phát triển cơ sở hạ tầng 35
3.3.4. Phát triển nguồn nhân lực 35
Phần kết luận 37
Tài liệu tham khảo 38

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

LỜI MỞ ĐẦU

Một trong những động lực quan trọng thúc đẩy toàn cầu hóa và tăng trưởng của nền kinh tế thế giới là các công ty xuyên quốc gia (TNCs). Hiện nay các TNCs hoạt động trên toàn thế giới đang thực hiện khoảng 4/5 đầu tư trực tiếp nước ngoài, khoảng 3/5 trao đổi thương mại trên toàn cầu và nắm dữ phần lớn lượng công nghệ cao trên toàn thế giới. Điều này cho thầy vai trò rất quan trọng của TNCs tới sự phát triển kinh tế của thế giới cũng tầm quan trọng của TNCs tới sự phát triển của mỗi quốc gia trên thế giới.

Bài nghiên cứu tác động của TNCs tới nền kinh tế giới nhằm giúp người đọc thấy rõ được vai trò của TNCs trong nền kinh tế thế giới hiện nay và sự phát triển trong tương lai của các TNCs.Theo logic đó, chúng tôi sẽ chỉ ra ví dụ về tác động của TNCs tới nền kinh tế thế giới thông qua tác động của TNCs tới nền kinh tế Việt Nam. Nhóm phân tích thực trạng của TNCs đầu tư tại Việt Nam và những hạn chế mà Việt Nam gặp phải trong việc thu hút phân loại hoạt động của các TNCs. Từ đó đưa ra một số chính sách, giải pháp nhằm cải thiệt tình hình theo hướng tốt hơn.

Với những hạn chế về thời gian, thời lượng nghiên cứu và sự rộng lớn của đề tài nghiên cứu nhóm chúng tôi chỉ đưa ra phân tích một số luận điểm chính và không đưa ra phân tích sâu hơn. Cũng theo đó TNCs là một chủ thế rất rộng lớn vì thế hạn chế về số liệu nghiên cứu mới cũng không thể tránh khỏi. Chung tôi rất mong được ý kiến xây dựng góp ý nhằm phát triển đề tài một cách sâu rộng hơn.

cuu duong than cong. com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích
TNCs	Các công ty xuyên quốc gia
MNC/MNE	Công ty đa quốc gia
UNCTAD	Hội nghị Liên hiệp quốc về Thương mại và phát triển
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
M&A	Mua lại và sát nhập
GI	Đầu tư mới
R&D	Nghiên cứu và phát triển
NICs	Các nước công nghiệp mới

Danh mục bảng biểu, hình vẽ

Hình 1.1: sự phát triển của TNCs trong giai đoạn từ năm 1992-2008

Hình 1.2: Sự khác nhau giữa các loại công ty trên thế giới.

Hình 2.1: tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa dịch vụ của các công ty FDI ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2004-2010

Hình 2.2: Sự biến động của dòng vốn FDI vào các nhóm nước

Hình 2.3: Thành phần vốn chảy vào các nước nam, đông và đông nam á

Hình 2.4: Tỉ lệ của FDI vào các nước trên thế giới

Hình 2.5: Giá trị và số lượng các vụ M&A và GI trên thế giới từ năm 2007-2010

Hình 3.1: Xu hướng biến động vốn đầu tư FDI vào Việt Nam giai đoạn 2007-2011

Hình 3.2: Thành phần của cán cân thánh toán của Việt Nam từ năm 2006-2011

Hình 3.3: Tỷ trọng 10 nhóm hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp trong nước 9 tháng 2011

Hình 3.4: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2009-2011

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ TNCs

1.1. Khái niệm và các lý thuyết về sự ra đời của TNCs

1.1.1. Khái niệm

Công ty xuyên quốc gia là công ty có quá trình sản xuất kinh doanh vượt ra khỏi biên giới quốc gia và có quan hệ kinh tế chặt chẽ với nhiều nước thông qua việc thiết lập các chi nhánh ở nước ngoài.

Theo các chuyên gia của Liên Hợp Quốc thì công ty xuyên quốc gia là những công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc vô hạn bao gồm các công ty mẹ và các công ty chi nhánh nước ngoài của chúng.

Qua các khái niệm trên ta có thể hiểu các công ty xuyên quốc gia là một cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế, dựa trên cơ sở kết hợp giữa quá trình sản xuất quy mô lớn của nhiều thực thể kinh doanh quốc tế với quá trình phân phối và khai thác thị trường quốc tế nhằm đạt được kết quả tối ưu, trên cơ sở đó thu được lợi nhuận độc quyền cao.

1.1.2. Lý thuyết về sự ra đời

cuu duong than cong. com

Sự phát triển của khoa học công nghệ và sự gia tăng trong nhu cầu của con người chính là nguyên nhân hình thành lên các TNCs. Điều này được các nhà kinh tế giải thích trong các lý thuyết của mình:

Lý thuyết chu kì sản phẩm của Raymon Vernon: sự phát triển của sản phẩm thông qua 4 giai đoạn phát triển. Khi sản phẩm mới được sinh ra thì sản phẩm đó chỉ được sản xuất và tiêu dùng tại chính quốc gia đó. Sản phẩm phát triển hơn, sản xuất diễn ra mạnh mẽ hơn và sản phẩm được xuất khẩu sang các nước khác, điều này hình thành lên các chi nhánh phân phối sản phẩm ở nước ngoài và manh nha hình thành lên các TNCs. Đến giai đoạn trưởng thành, sản phẩm bắt đầu được tập trung sản xuất ở một số quốc gia khác, dây truyền sản xuất được chuyển giao cho các công ty con ở nước ngoài. Giai đoạn cuối cùng thì sản phẩm này hoàn toàn được sản xuất ở các nước khác, và sự phát triển của một sản phẩm mới đã đánh dấu sự diệt vong của chúng và bắt đầu một chu kì sản phẩm mới.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Lý thuyết nội vị hóa: lý thuyết nội vi hóa đã giải thích sự hình thành của các TNCs do tính không hoàn hảo của thị trường. Nếu tất cả các thị trường là hoàn hảo thì sẽ không thúc đẩy các hoạt động đầu tư ra nước ngoài để khai thác những điểm mạnh của thị trường mới. Sự không hoàn hảo này được tạo nên từ nhiều yếu tố khác nhau như thuế quan, sự khuyết tất của thị trường do độc quyền mang lại, hay sự phát triển không cân bằng giữa các thị trường. Điều này đã thúc đẩy các công ty phát triển sản xuất trên thị trường mới và tạo nên các TNCs

Lý thuyết chiết trung: nội dung của lý thuyết này nói rằng động lực thúc đẩy công ty đầu tư ra nước ngoài đó là lợi thế về sở hữu, lợi thế về địa điểm và lợi thế về nội vi hóa. Các công ty có sở hữu về công nghệ hiện đại, bí quyết sản xuất sẽ phân tích lợi ích từ các thị trường khác nhau để quyết định đầu tư sản xuất hay phân phối để thu được lợi nhuận cao nhất.

1.2. Quá trình phát triển và bản chất của các công ty xuyên quốc gia

Các công ty xuyên quốc gia được hình thành dựa trên sự phát triển lâu dài của nền sản xuất và quan hệ kinh tế quốc tế. Về thực chất chúng là sự phát triển cao của chế độ xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, là sự vận động mở rộng và sâu sắc hơn của các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, khi các mối quan hệ kinh tế đó vượt dần ra khỏi phạm vi quốc gia và gia nhập vào guồng máy sản xuất kinh doanh quốc tế thì nó ngày càng được phát triển.

Chế độ xí nghiệp tư bản chủ nghĩa xuất hiện và ngày càng được hoàn thiện trên cơ sở sự ra đời và phát triển của nền sản xuất dựa trên máy móc, và cạnh tranh tự do chính là nguyên nhân ra đời của nền sản xuất đó. Chế độ xí nghiệp tư bản chủ nghĩa ra đời đã thúc đẩy phân công lao động mở rộng từ nội bộ quốc gia sang địa bàn quốc tế, từ đó làm cho tích tụ và tập trung tư bản, sản xuất phát triển lên cao độ và nhờ vậy mà các tổ chức độc quyền có điều kiện thuận lợi để ra đời và phát triển. C.Mác và Ph. Ăngghen cũng đã khẳng định độc quyền sinh ra từ tự do cạnh tranh nhưng không phủ định nó. Trong quá trình tích tụ và tập trung tư bản, nhân tố tín dụng có vai trò vô cùng quan trọng, theo C.Mác thì nhân tố này đã đẩy nhanh tốc độ phát triển vật chất của các lực lượng sản xuất và sự hình thành một thị trường thế giới.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Khi xuất hiện quá trình tích tụ và tập trung sản xuất cao độ sẽ dẫn đến hình thành các công ty cực lớn thống trị các ngành và đồng thời cũng xuất hiện quá trình liên hiệp hoá. Cùng với nó là quá trình chuyên môn hoá, đó là kết quả của sự phát triển phân công lao động xã hội đã tạo điều kiện cho sự phát triển của những công ty độc quyền chủ chốt trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền. Các công ty độc quyền chủ chốt đã thâu tóm toàn bộ các xí nghiệp vừa và nhỏ bao quanh chúng mà nhờ nó giới độc quyền Nhà Nước có thể huy động được toàn bộ lực lượng lao động và mọi tiềm năng của xã hội vào quá trình sản xuất, tạo ra sự hỗ trợ trong việc cải tổ cơ cấu sản xuất, kỹ thuật trong nước. Sự khác biệt về tiền lương và bảo hiểm của chúng tạo điều kiện cho các công ty độc quyền chủ đạo kiếm thêm được giá trị thặng dư. Khi tích tụ và tập trung sản xuất có bước phát triển mới thì xuất khẩu tư bản cũng được đẩy mạnh và nó trở thành cơ sở kinh tế quan trọng cho việc mở rộng phạm vi hoạt động quốc tế của các công ty xuyên quốc gia được hình thành nên từ các tổ chức độc quyền sau này.

Từ thập kỷ 60, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, khoa học – công nghệ, các công ty xuyên quốc gia đã phát triển một cách nhanh chóng. Để tổ chức một hệ thống công nghệ mới và điều tiết được lợi ích trong trao đổi, phân phối những sản phẩm mới giữa những nhà sản xuất độc lập đã buộc các xí nghiệp phải chiếm lĩnh các ngành và khu vực kinh tế mới, điều đó dẫn đến sự trưởng thành nhanh chóng của các công ty xuyên quốc gia, đặc biệt là ở các quốc gia phát triển. Khi sự cạnh tranh trên toàn cầu ngày càng khốc liệt thì các công ty xuyên quốc gia bắt đầu điều chỉnh lại hoạt động kinh doanh phân tán của nó, xây dựng hệ thống phân công lao động quốc tế, kết hợp liên kết theo chiều ngang và chiều dọc trong nội bộ công ty. Cơ cấu tổ chức toàn cầu của công ty xuyên quốc gia tương ứng cũng ra đời. Các công ty xuyên quốc gia trở thành hình thức hoàn thiện điển hình của chế độ xí nghiệp tư bản chủ nghĩa thích ứng với sự phân công và trao đổi quốc tế hiện đại.

Từ những năm 1980, nhất là sau Chiến tranh Lạnh, TNCs đã phát triển rất mạnh mẽ và đóng vai trò ngày càng quan trọng. Xu thế hòa dịu sau Chiến tranh Lạnh, sự phát triển của kinh tế thị trường như con đường phát triển chung, xu thế hợp tác cùng phát triển, trào lưu thúc đẩy thương mại tự do và hội nhập kinh tế...đã tạo điều kiện cho TNCs mở rộng địa bàn, phát triển hoạt động ra khắp thế giới. Vai trò chính trị và

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

thực lực kinh tế to lớn cũng như sự chi phối nền kinh tế thế giới của các nước phát triển – nơi xuất phát của hầu hết TNCs lớn – tiếp thêm điều kiện cho sự phát triển và vai trò của TNCs. Đáng chú ý, sự thay đổi cách nhìn nhận về TNCs đã góp phần đáng kể cho sự mở rộng hoạt động kinh doanh quốc tế của TNCs. TNCs ngày càng được coi là công cụ phát triển, là sự tạo công ăn việc làm, là nguồn thuế thu, là là sự khắc phục về vốn, kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm làm ăn quốc tế.

Hình 1.1: sự phát triển của TNCs trong giai đoạn từ năm 1992-2008

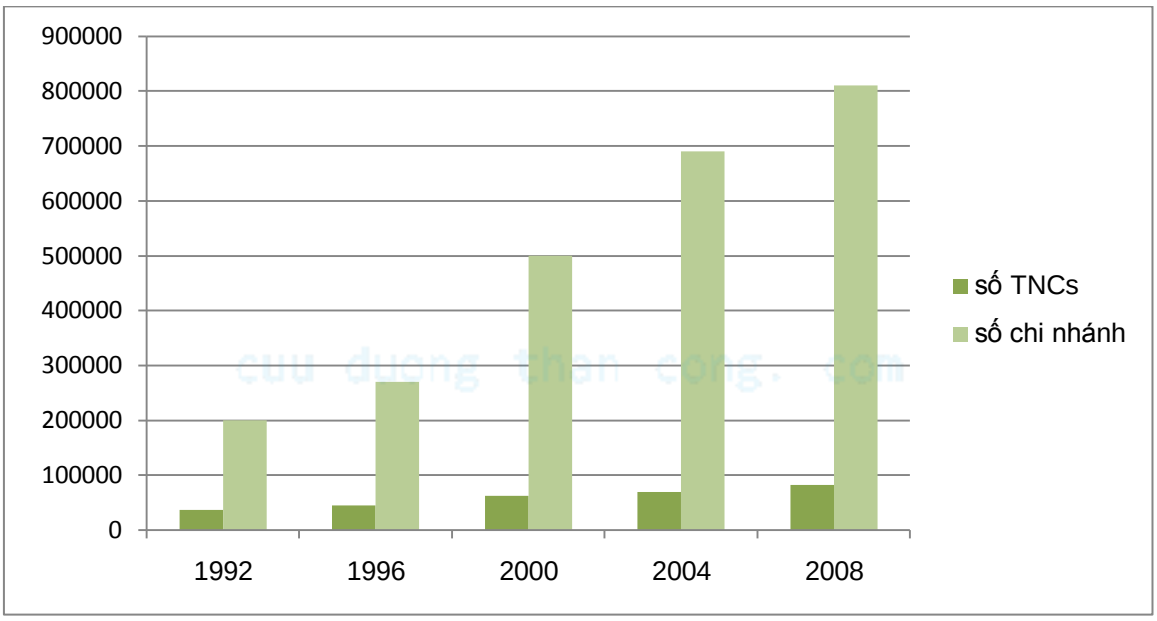

(Nguồn: UNCTAD 2009)

Sự phát triển của TNCs ngày càng lớn mạnh vào cuối thế kỉ 20 đầu thế kỉ 21 khi sự phát triển của khoa học công nghệ được nâng cao. Thêm vào đó là sự hợp tác, giao lưu và hội nhập giữa tất cả các quốc gia trên toàn thế giới. Điều này đã xóa bỏ hoàn toàn gần như hoàn toàn những rào cản về biên giới lãnh thổ và những chính sách hạn chế.

Tóm lại, sự xuất hiện của các công ty xuyên quốc gia đi từ tích tụ và tập trung sản xuất, rồi hình thành các công ty cổ phần, các công ty kinh doanh lớn như sau:

Quá trình tích tụ và tập trung sản xuất diễn ra song song với quá trình tích tụ quyền lực kinh tế. Tích tụ và tập trung sản xuất tạo ra những công ty cực lớn bao gồm trong đó rất nhiều các công ty với công ty mẹ đứng đầu và các công ty con có quan hệ

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

phụ thuộc về tài chính, kỹ thuật,... với công ty mẹ. Sự thâu tóm và kiểm soát về mọi mặt như tài chính, kỹ thuật... của công ty mẹ đối với công ty con đã tạo điều kiện thuận lợi để tăng quy mô sản xuất và cho tư bản sinh lời.

Quá trình tích tụ và tập trung sản xuất dẫn đến sự hình thành các tổ chức độc quyền. Sự liên kết theo chiều dọc và chiều ngang được đẩy mạnh dẫn đến quá trình liên kết đa ngành và bành trướng quyền lực. Từ đó dẫn đến hình thành các công ty xuyên quốc gia với mạng lưới thị trường rộng khắp.

Quá trình tích tụ và tập trung sản xuất trong nông nghiệp ngày càng được đẩy mạnh dẫn đến việc xuất hiện các hình thức công ty liên hợp nông – công nghiệp, nông – thương nghiệp. Cùng với sự tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đã làm cho cấu tạo hữu cơ tăng lên và mối liên hệ giữa công – nông nghiệp ngày càng phát triển.

Như vậy quá trình tích tụ và tập trung sản xuất đã tạo ra cơ sở vật chất cho sự bành trướng, giúp cho các tập đoàn tư bản có khả năng hiện thực vượt ra khỏi biên giới quốc gia, thực hiện việc đầu tư vào các nước khác dưới nhiều hình thức, thỏa mãn mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận cao. Trên cơ sở đó hình thành các công ty xuyên quốc gia.

1.3. Các yếu tố tác động tới sự phát triển của TNCs

Sự phát triển của các TNCs chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau như:

Khoa học công nghệ: khoa học công nghệ là yếu tố quan trọng hình thành lên các TNCs vì thế sự phát triển của khoa học công nghệ sẽ quyết định sự hình thành phát triển của các TNCs trên thế giới. Điều này giải thích tại sao các TNCs luôn luôn chú trọng vào nghiên cứu và phát triển.

Hệ thống luật pháp và bộ máy hành chính: hệ thống luật pháp yếu tố quan trọng quyết đinh tới sự phát triển của các TNCs. Một nước muốn thu hút đầu tư nước ngoài thì cần phải có hệ thống luật pháp và bộ máy hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của TNCs. Ngoài các luật tác động trực tiếp như luật đầu tư, luật kinh doanh thì các luật về quyền sở hữu trí tuệ và bản quyền cũng sẽ tác động gián tiếp tới sự phát triển của hệ thống TNCs.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Sự ổn định chính trị: Chính trị là một yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới nền kinh tế. Một nước có tình hình chính trị ổn định sẽ giúp cho nền kinh tế trong nước phát triển, đầu tư quốc tế được đẩy mạnh và giúp cho các TNCs phát triển hơn.

Cơ sở hạ tầng: cơ sở hạ tầng cũng có vài trò quan trọng trong việc thu hút các TNCs tham gia đầu tư vào nước đó. Cơ sở hạ tầng phát triển giúp cho các nhà đầu tư giảm được chi phí liên quan và thu được lợi nhuận cao hơn.

Lợi thế cạnh tranh (đặc điểm của thị trường): một nước có trình độ lao động cao, tài nguyên phong phú, địa điểm thuận lợi... sẽ khuyến khích các nhà đầu tư tham gia đầu tư, điều này làm cho các TNCs phát triển các chi nhánh của mình.

Văn hóa xã hội: văn hóa xã hội cũng đóng một vai trò quan trọng tới sự phát triển của các TNCs trên toàn thế giới. Văn hóa khác nhau sẽ ảnh hưởng tới sự ra nhập và pháp triển của các TNCs.

1.4. Phân loại TNCs và so sánh

cuu duong than cong. com

Hiện nay trên thế giới có rất nhiều loại hình công ty với các thuật ngữ khác nhau như:

- Công ty quốc tế (International Enterprise)
- Công ty đa quốc gia (Multinational Corporation/Enterprise-MNC/MNE)
- Công ty xuyên quốc gia (Transnational Corporation-TNC)
- Công ty toàn cầu (Global Firm)

Về bản chất tất cả các công ty này đều giống nhau là đều có quá trình sản xuất kinh doanh vượt ra khỏi biên giới quốc gia và có quan hệ kinh tế chặt chẽ với nhiều nước thông qua việc thiết lập các chi nhánh ở nước ngoài và đều chỉ hành động ra nhập thị trường mới của các công ty.

cuu duong than cong. com

Sự khác biệt giữa các công ty này đã tạo ra những tên gọi khác nhau đó chính là khác nhau về phương thực ra nhập thị trường mới của các công ty này.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Hình 1.2: Sự khác nhau giữa các loại công ty trên thế giới.

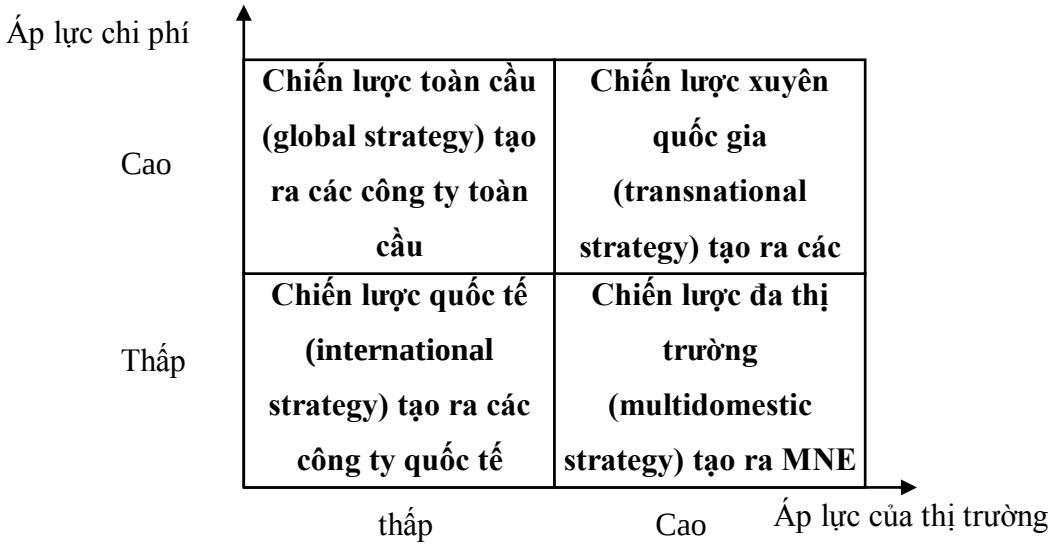

Dù được gọi với cái tên nào thì bản chất của chúng cũng không khác nhau và vì thế tác động của chúng tới nền kinh tế thế giới cũng sẽ giống nhau

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA CÁC CÔNG TY XUYÊN QUỐC GIA TRONG NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

2.1. Vai trò của TNCs đối với thương mại quốc tế

Trong những năm gần đây, quá trình toàn cầu hóa đã thúc đẩy nền kinh tế của các quốc gia phát triển và phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn, dẫn đến những thay đổi sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế thế giới. Một trong những nhân tố quan trọng tác động đến quá trình này là hoạt động thương mại quốc tế của TNCs. TNCs đã có những tác động to lớn đến sự phát triển của kinh tế thế giới nói chung cũng như các nền kinh tế của từng quốc gia nói riêng. Đối với nền kinh tế quốc gia, chúng góp phần nâng cao trình độ phát triển kinh tế, làm biến đổi cơ cấu kinh tế ngành do tác động tích cực đến hoạt động thương mại, đầu tư, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

2.1.1. TNCs đối với thay đổi cơ cấu thương mại quốc tế

TNCs có vai trò nổi bật là thúc đẩy thương mại thế giới phát triển mạnh mẽ, nhất là đối với những nền kinh tế hướng về xuất khẩu, thông qua việc sử dụng có hiệu quả nguồn lực sản xuất của thế giới. Kiểm soát khoảng 3/5 mậu dịch quốc tế, TNCs ngày càng thúc đẩy mạnh quan hệ hàng hóa, tài chính trên phạm vi toàn cầu. Một trong những tác động thúc đẩy thương mại quốc tế của TNCs là làm thay đổi cơ cấu thương mại quốc tế. Cùng với sự tham gia sâu rộng của TNCs vào quá trình phân công lao động quốc tế, cơ cấu hàng hóa dịch vụ trao đổi có chiều hướng gia tăng tỷ trọng những hàng hóa có hàm lượng vốn, hoặc kỹ thuật cao và giảm dần tỷ trọng các hàng hóa dịch vụ sử dụng nhiều lao động. Về cơ cấu đối tác cũng tăng dần tỷ trọng trao đổi hàng hóa và dịch vụ của các nước đang phát triển trên thị trường thế giới, đặc biệt với các nước công nghiệp hóa mới.

Xem xét trường hợp Việt Nam, có thể thấy những tác động mạnh mẽ của TNCs vào xuất khẩu của quốc gia này. Tỉ trọng giá trị xuất khẩu của các công ty FDI liên tục tăng qua các năm và chiếm tỉ trọng lớn trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Trong đó tỉ trọng về giá trị xuất khẩu của TNCs đã làm cho giá trị hàng hóa xuất khẩu được tăng lên, từ hướng xuất khẩu hàng hóa nông sản giá trị thấp sang xuất khẩu hàng hóa công nghệ và dịch vụ mang lại giá trị cao cho đất nước. Qua đó có thể thấy được

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

sự chuyển dịch về chất lượng hàng hóa và ngành xuất khẩu của các TNCs trên toàn thế giới.

Hình 2.1: tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa dịch vụ của các công ty FDI ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2004-2010

Đơn vị: phần trăm (%)

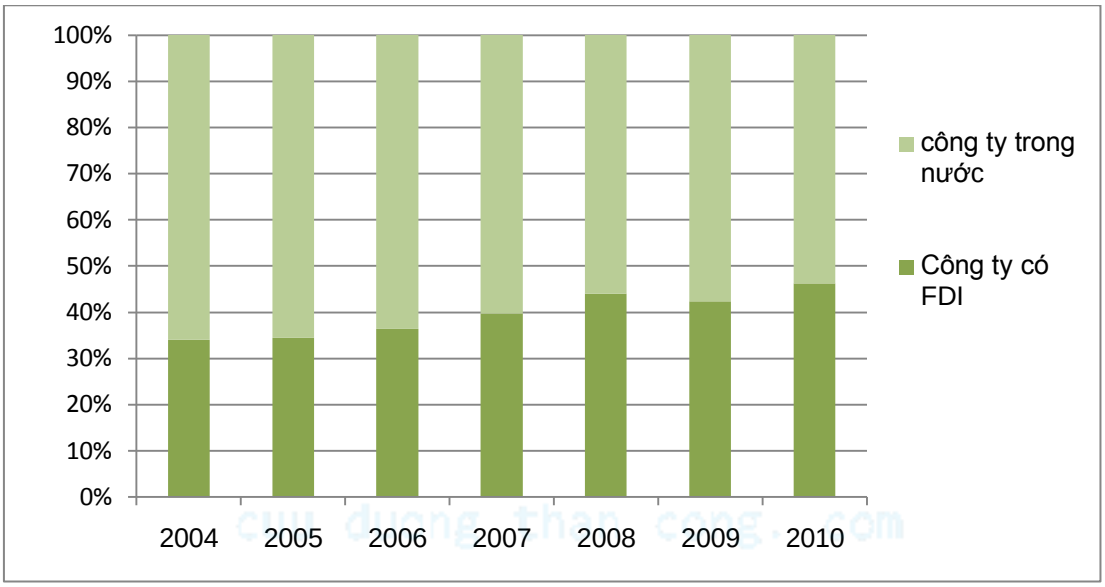

(nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư)

Thế giới hàng hóa ngày càng được bổ sung hàng loạt các mặt hàng mới. TNCs đã thực hiện hàng hóa hóa mọi sản phẩm, cả bằng phát minh sáng chế, bí quyết công nghệ, kinh nghiệm quản lý cũng được coi là sản phẩm được thực hiện trao đổi trên thị trường qua nhiều phương thức như mua bán, cho thuê, trao đổi có điều kiện...Bằng cách này, các sản phẩm với chất lượng cao của TNCs đã phá bỏ được những hàng rào biên giới quốc gia khi chúng kìm hãm quá trình quốc tế hóa lưu thông những sản phẩm đó. Điều này góp phần thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và nâng cao trình độ xã hội hóa sản phẩm trên thế giới.

Tuy nhiên, vì mục đích lợi nhuận, TNCs có thể làm biến dạng các mối quan hệ hàng hóa tiền tệ qua những hoạt động đầu cơ, nâng giá, trao đổi nội bộ giữa các công ty chi nhánh với một khối lượng lớn.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2.1.2. Trao đổi hàng hóa và dịch vụ của TNCs

TNCs là một hệ thống mạng lưới các công ty, trong đó công ty mẹ là công ty hạt nhân, giữ vai trò lãnh đạo, còn các công ty con là các công ty chi nhánh có chế độ hạch toán độc lập, nhưng phụ thuộc chủ yếu về tài chính, kỹ thuật công nghệ cũng như các định hướng chiến lược phát triển của công ty mẹ, có thể nói, trao đổi trong nội bộ công ty là trao đổi giữa công ty mẹ với các công ty chi nhánh của một TNCs với nhau. Hàng hóa và dịch vụ được đưa ra trao đổi khá đa dạng, nó có thể là dây truyền công nghệ sản xuất, máy móc hay cũng có thể là một bộ phận nào đó trong chuỗi giá trị của hàng hóa. Hình thức trao đổi này giúp cho các TNCs giảm được chi phí và tận dụng tốt được những ưu điểm của thị trường đó mang lại. Tuy nhiên vấn đề đặt ra đối với cơ quan quản lý là cần phải kiểm soát chặn chẽ để tránh hình thức chuyển giá để báo cáo lỗ nhằm trốn thuế ở Việt Nam đang diễn ra khá phổ biến gây thất thu lớn đối với chính phủ.

2.1.3. Mô hình mở rộng hoạt động thương mại quốc tế của TNCs

Mở rộng hoạt động thị trường trên thế giới là một động lực phát triển của công ty xuyên quốc gia. Để mở rộng hoạt động và khai thác thị trường có hiệu quả nhất, TNCs thường áp dụng các mô hình lý thuyết cùng những chiến lược kinh tế thực tiễn cơ bản sau:

Các mô hình chiếm lĩnh và khai thác thị trường quốc tế của TNCs chủ yếu là:

2.1.3.1. *Mô hình truyền thống (Xuất khẩu sản phẩm – Xuất khẩu kỹ thuật – Đầu tư cắm nhánh)*

Ba hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đặc thù: buôn bán hàng hóa thông thường, chuyển giao kỹ thuật công nghệ qua thương mại, đầu tư trực tiếp để xây dựng các xí nghiệp chi nhánh của TNCs. Ba hình thức này không có một khoảng cách rõ rệt mà chúng có sự nối tiếp, bổ sung, thậm chí đan xen lẫn nhau.

2.1.3.2. Mô hình làn sóng

Mô hình làn sóng được TNCs lựa chọn khi bùng nổ các cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Dựa trên kỹ thuật công nghệ của mình, TNCs đã chuyển sang thực

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

hiện khai thác chiếm lĩnh qua ba "đợt sóng": xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng kỹ thuật, công nghệ cao, đầu tư trực tiếp, chuyển giao kỹ thuật công nghệ. Trong mô hình này, để chiếm lĩnh và khai thác thị trường nước ngoài, TNCs đã xuất phát từ sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao hơn những sản phẩm của thị trường nước sở tại. Việc chuyển giao công nghệ mới cho các công ty chi nhánh dựa trên hai tiền đề cơ bản: Thứ nhất, bảo đảm cho các chi nhánh có được ưu thế về kỹ thuật, công nghệ để sản xuất sản phẩm mới nhằm chiếm lĩnh nhanh chóng thị trường, thu được lợi nhuận cao. Thứ hai, phụ thuộc vào mức độ vốn góp của công ty mẹ trong các công ty chi nhánh mà công ty có mức độ chuyển giao khác nhau, phù hợp với mức độ khống chế của TNCs trong công ty đó. Nếu công ty chi nhánh chịu chi phối hoàn toàn bởi công ty mẹ thì kỹ thuật chuyển giao kèm theo cả bí quyết công nghệ và quản lí. Còn công ty chi nhánh là một công ty liên kết, mức khống chế của công ty mẹ thấp thì công nghệ sẽ được chuyển giao từng phần và bí quyết công nghệ sẽ được chuyển giao hạn chế theo con đường thương mại hóa. Các chuyển giao này đảm bảo cho công ty mẹ tăng cường khống chế công ty chi nhánh bằng kĩ thuật và thu được lợi nhuận cao, cuối cùng đi đến khống chế hoàn toàn công ty chi nhánh.

cuu duong than cong. com

2.1.3.3. Mô hình không gian 3 liên kết

Dựa vào mô hình này, TNCs không chỉ lựa chọn được các hình thức thích hợp để khai thác thị trường quốc tế mà còn khai thác được thị trường nội địa.

2.2. Vai trò của TNCs đối với đầu tư quốc tế

Thực tế cho thấy hầu hết các hoạt động đầu tư nước ngoài đều được thực hiện thông qua kênh các công ty xuyên quốc gia, hay các công ty xuyên quốc gia là chủ thể chính của hoạt động đầu tư quốc tế. Các công ty xuyên quốc gia luôn tích cực đầu tư ra nước ngoài nhằm tối đa hoá lợi nhuận trên phạm vi toàn cầu do chúng có lợi thế là nhiều vốn, có kỹ thuật hiện đại, quản lý tiên tiến và có một mạng lưới thị trường rộng khắp trên thế giới. Đặc biệt nó có vai trò quan trọng đối với việc thúc đẩy dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các nước đang phát triển.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2.2.1. Thúc đẩy lưu thông dòng vốn đầu tư trên thế giới

Trên thực tế, hầu hiết các hoạt động đầu tư nước ngoài được thực hiện qua kênh TNCs. Các TNCs hiện chi phối trên 90% tổng FDI trên toàn thế giới. Chỉ tính riêng TNCs của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu đã chiếm tới 1/3 lượng FDI trên toàn cầu. Giá trị của lượng vốn FDI thực sự là thước đo vai trò to lớn của các TNCs trong nền kinh tế hiện nay vì FDI là công cụ quan trọng nhất của các TNCs trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu của mình.

Hình 2.2: Sự biến động của FDI vào các nhóm nước

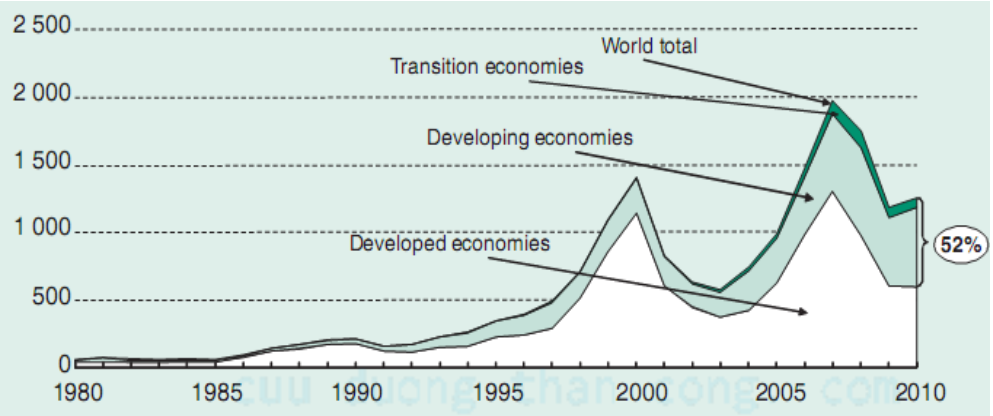

(nguồn: UNCTAD 2011)

Sự phát triển của các TNCs mang lại lợi ích cho rất nhiều quốc gia, từ quốc gia đầu tư tới quốc gia nhận đầu tư vì thế chính phủ các nước rất muốn thu hút TNCs vào nước mình. Sự thay đổi cơ chế luật pháp, những quy định hay những hình thức ưu đãi rất được chính phủ sử dụng để thu hút đầu tư từ các TNCs. Điều này làm giảm những rao cản về đầu tư giữa các quốc gia trên thế giới. Dương như biên giới lãnh thổ của các quốc gia không còn với đúng nghĩa khi có sự phát triển của TNCs. Khi bắt đầu ra đời thì các TNCs chỉ đầu tư giữa các nước phát triển với nhau thì nay xu hướng đầu tư của các TNCs rất đa dạng và có xu hướng đầu tư cao vào các nước đang phát triển và giữa các nước đang phát triển với nhau. Các nhà đầu tư khai thác rất tốt lợi thế cạnh tranh của từng khu vực để từ đó có hướng đầu tư các ngành ở các nơi sao cho thu được lợi nhuận cao nhất

Sự phát triển của các TNCs chính là biển hiện cho việc tăng cường hợp tác song phương và đa phương trên thế giới. Nhiều nước đã kí hiệp định đầu tư song phương và hiệp định đầu tư đa phương với nhau với mục đích không phân biệt tạo điều kiện cho

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

các nhà đầu tư phát triển và cho các TNCs mở rộng thị trường hay giúp các nước nhận đầu tư có được vốn và công nghệ cao. Số hiệp định song phương không ngừng được kí kết với nhau giữa các quốc gia. Sự phát triển của các nhà đầu tư còn cho thấy sự hợp tác, hỗ trỡ nhau trong việc phát triển kinh tế của các nước.

2.2.2. TNCs làm tăng tích lũy vốn của nước chủ nhà

Với lợi thế về vốn, TNCs đóng vai trò là động lực thúc đẩy tích lũy vốn của nước chủ nhà. Thông qua kênh TNCs, nước chủ nhà có thể tăng cường thu hút FDI đâu tư vào nước mình. Vai trò của TNCs được thể hiện qua một số khia cạnh sau:

Thứ nhất, bản thân các TNCs khi đến hoạt động ở các quốc gia đều mang đến cho nước này một số lượng vốn lớn. Hơn nữa, trong quá trình hoạt động của TNCs cũng đóng góp cho ngân sách của nước chủ nhà dưới dạng các khoản như: thuế thu nhập, thuế xuất nhập khẩu, chi tiêu về viễn thông... mặt khác nhờ có các TNCs mà một bộ phận lớn người đan có thêm thu nhập do làm việc trực tiếp trong các công ty chi nhánh nước ngoài hoặc lao động gián tiếp thông qua việc cung cấp các dịch vụ cho các TNCs. Tại các nước có thị trường chứng khoán phát triển thì các TNCs làm ăn hiệu quả chính là kênh để thu hút lượng tiền nhàn rỗi của người dân và của các nhà đâu tư trong việc mua cổ phiếu của các công ty này.

Thứ hai, ngoài việc vốn ban đầu để đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của các TNCs còn thực hiện các biện pháp huy động thêm vốn tư công ty mẹ, từ các chi nhánh thành viên của các tập đoàn, từ các đối tác, từ các tổ chức tài chính và tín dụng thế giới... đây chính là hình thức thu hút đầu tư của các nước đang phát triển hiện nay.

Thứ ba, TNCs góp phần cải thiện cán cân thanh toán của các nước thông qua việc tích lũy ngoại hối nhờ các hoạt động xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu của các TNCs đóng góp cho một quốc gia là khá lớn. Ngoài ra việc đầu tư sản xuất trong nước còn giúp cho nước đó hạn chế được lượng hàng hóa nhập khẩu. Ngoài ra FDI còn là một trong những tài khoản lớn của cán cân tài khoản vốn. Điều này giúp cho cán cân thanh toán của nước chủ nhà được cân bằng, dự trữ ngoại hối của chính phủ tăng, giúp ổn định tình hình kinh tế vĩ mô của nước đó.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2.2.3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Không giống như đầu tư gián tiếp nước ngoài, FDI là dòng vốn đầu tư trực tiếp và tác động mạnh tới quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Tầm quan trọng của FDI còn thể hiện ở tỉ trọng vốn FDI chảy vào so với tổng vốn đầu tư là lớn nhất.

Hình 2.3: Thành phần vốn chảy vào các nước nam, đông và đông nam á

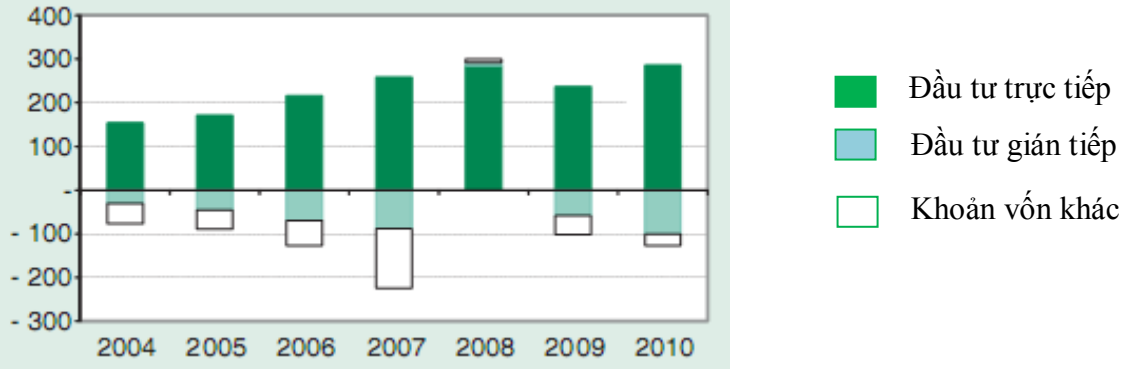

(nguồn: quỹ tiền tệ quốc tế IMF)

Cơ cấu dòng vốn FDI có sự thay đổi qua các giai đoạn, xu hướng đầu tư của các TNCs là đầu tư vào các nước đang phát triển, nơi yêu cầu về đầu tư không đòi hỏi cao và có sự thuận lợi về lao động, tài nguyên thiên nhiên.

Hình 2.4: Tỉ lệ của FDI vào các nước trên thế giới

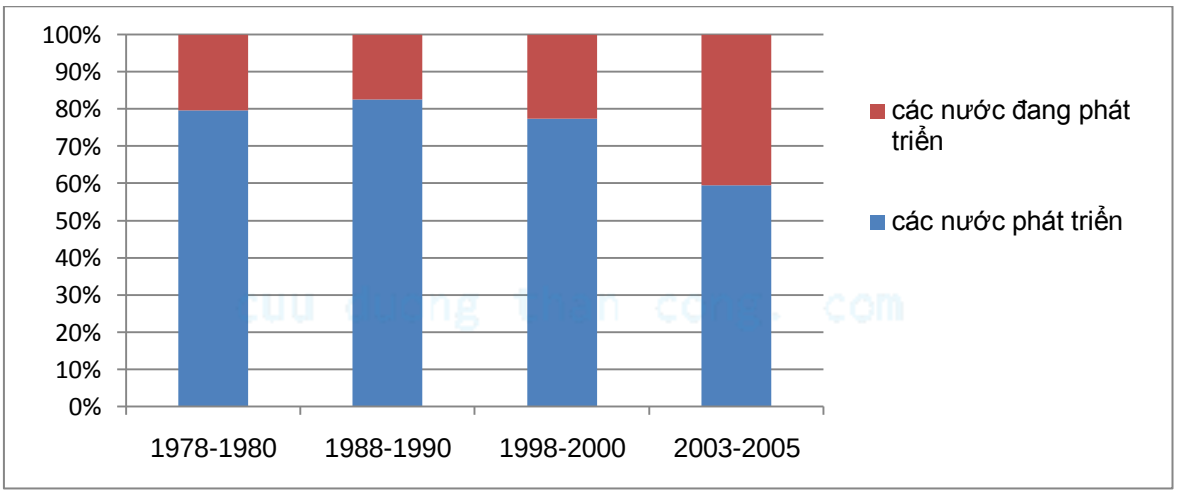

(nguồn: UNCTAD, World Investment Report 2006)

TNCs có thể đầu tư trực tiếp vào một nước thông qua hình thức đầu tư mới (GI) hoặc mua lại và sáp nhập (M&A) với doanh nghiệp đã tồn tại trong nước.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Hình 2.5: Giá trị và số lượng các vụ M&A và GI trên thế giới từ năm 2007-2010

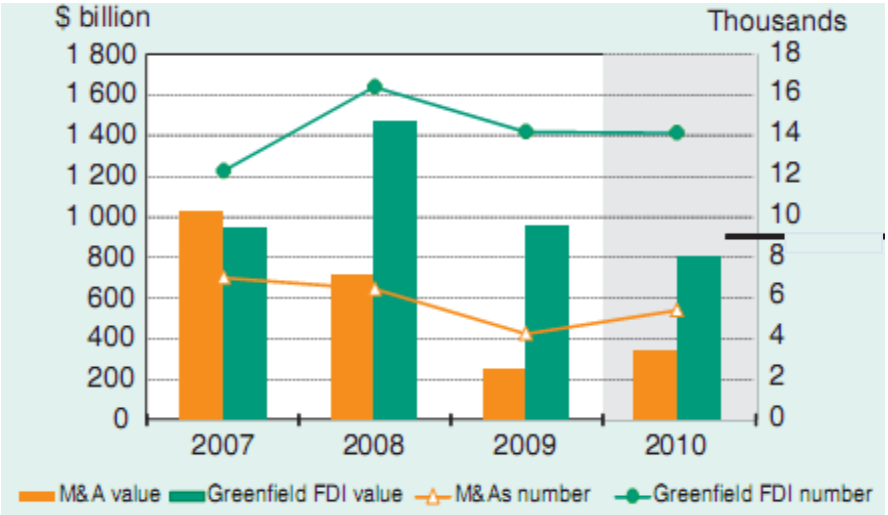

(nguồn: UNCTAD 2011)

Tùy vào từng thời kì, lĩnh vực hoạt động và đặc điểm của thị trường mà các TNCs có cách thức ra nhập thị trường khác nhau. Nhìn vào hình 2.4 ta thấy số lượng và giá trị của các vụ đầu tư mới cao hơn M&A, sau năm 2008 thì cả số lượng các vụ và giá trị của M&A và GI đều giảm xuống nguyên nhân do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Đến năm 2009 thì hình thức M&A gia tăng cả về số vụ và giá trị, nguyên nhân là sau khủng hoảng kinh tế làm cho các công ty bị phá sản và bị thâu tóm hoặc có thể sát nhập với công ty khác để hỗ trợ nhau trong khủng hoảng kinh tế.

2.3. Vai trò của TNCs đối với chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực

Công nghệ là phương tiện và hệ thống các phương tiện dùng để thực hiện quá trình sản xuất nhằm biến đổi đầu vào và đầu ra là các sản phẩm, dịch vụ mong muốn. Chuyển giao công nghệ: là mua bán công nghệ trên hợp đồng chuyển giao đã được thỏa thuận phù hợp với việc quy định của pháp luật, nói cách khác nó là việc tiếp nhận công nghệ mới giữa bên giao và bên nhận.

2.3.1. Vai trò của TNCs với chuyển giao công nghệ.

2.3.1.1. TNCs thực hiện chuyển giao công nghệ trên toàn thế giới

Các TNCs thực hiện chuyển giao công nghệ trên toàn thế giới ở hầu hết các lĩnh vực thuộc khoa học công nghệ và quản lý. TNCs ở các nước công nghiệp phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức,… thường đi đầu trong các hoạt động chuyển giao, đồng

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

thời cũng là các nước đi đầu trong việc tiếp nhận các công nghệ chuyển giao này. Mặc dù nhu cầu về công nghệ nhu cầu về công nghệ đang chuyển giao của các nước đang phát triển là khá lớn song nhóm các nước đang phát triển vẫn chưa là nhóm các nước có mức hấp dẫn cao về công nghệ từ TNCs. Hầu hết các hoạt động chuyển giao công nghệ chủ yếu thực hiện trong nội bộ các chi nhánh TNCs ở hình thức 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh có phần lớn vốn nước ngoài.

2.3.1.2. Phát triển đa hạng mục công nghệ và cơ cấu sản phẩm công nghệ

Có thể nói TNCs phát triển đa dạng các hạng mục công nghệ và cơ cấu sản phẩm công nghệ thể hiện ở các phát minh và sáng chế, công nghệ thiết kế và xây dựng, công nghệ kiểm tra chất lượng sản phẩm, công nghệ quản lý, công nghệ marketing, công nghệ đào tạo và các công nghệ khác.

TNCs là tác nhân đi đầu trong lĩnh vực công nghệ thiết kế và xây dựng với các công nghệ xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng như sân bay, bến cảng, đường giao thông hoặc công nghệ xây dựng các cơ sở công nghiệp dân dụng, trung tâm thương mại,…

cuu duong than cong. com

Công nghệ kiểm tra chất lượng (gắn với hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm như các sản phẩm công nghiệp , nông sản, dịch vụ,…) sản phẩm đạt đến độ tinh xảo thường do TNCs cung cấp.

Công nghệ quản lý là một trong những yếu tố tạo nên giá trị cốt lõi của TNCs và quyết định đến khả năng cạnh tranh của TNCs. TNCs có công nghệ marketing đạt đến trình độ tinh xảo, những chi phí đầu tư cho hoạt động này của TNCs là rất lớn đặc biệt là các hoạt động đầu tư cho quảng bá sản phẩm mới hoặc quảng bá để tăng khả năng so với các đối thư cạnh tranh.

cuu duong than cong. com

2.3.1.3. Quá trình công nghiệp hóa và sự phát triển khoa học công nghệ ở các nước đang phát tiển

Các chi nhánh của TNCs ở các nước đang phát triển nhận được khoảng 95% các hạng mục công nghệ từ các công ty mẹ của chúng.Công nghệ được coi là một trong những yếu tố đầu vào quan trọng nhất của nền kinh tế, nó quyết định đến năng suất lao động do vây, đối với các nước đang phát triển thì sự chuyển giao công nghệ

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

của TNCs đóng vai trò trợ thủ trong phát triển khoa học công nghệ, đặc biệt là đối với những nước kém phát triển. Việc nghiên cứu và phát triển công nghệ là vô cùng khó khăn và tốn kém, nhất là đối với những nước đang phát triển và kém phát triển thì việc phát minh ra một công nghệ mới chất lượng tốt lại càng trở lên khó khăn. Vì vậy việc chuyển giao công nghệ đối với các nước đang phát triển và các nước kém phát triển đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Chúng giúp cho các nước này rút ngắn được thời gian nghiên cứu và chi phí cho việc phát triển công nghệ. Mặt khác với nền tảng về phát triển công nghệ đi trước của các nước phát triển mà chủ sở hữu ở đây là các TNCs đã giúp cho các nước đang phát triển có cơ sở lý luận và kinh nghiệm cho sự phát triển khoa học công nghệ của nước mình.

Tuy nhiên chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển đa phần là công nghệ hạng hai. Lý do mà các TNCs chuyển giao công nghệ hạng hai này cho các nước đang phát triển không chỉ bắt nguồn từ chiến lược của TNCs trong việc khai thác lợi ích của công nghệ mà còn vì các công nghệ đó phù hợp với khả năng tài chính và trình độ của các nước này. Tuy nhiên nó cũng gây đối với các nước nhập khẩu như công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường, chuyển giao với hộ đồng phụ kèm theo tạo sự phụ thuộc hay giữ bí quyết để thao túng,…

2.3.2. TNCs đối với phát triển công nghệ

TNCs được coi là chủ thể chính trong phát triển công nghệ thế giới. Trong chiến lược cạnh tranh, các công ty xuyên quốc gia luôn coi công nghệ là yếu tố quan trọng, giữ vị trí hàng đầu. Do đo, thúc đẩy đổi mới công nghệ bằng hoạt động Nghiên cứu và phát triển (R&D) là nhiệm vụ sống còn của các công ty. Đi đầu trong đổi mới công nghệ đồng nghĩa với nâng cao năng lực cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường và giữ vị trí độc quyền.

Việc phát triển công nghệ của TNCs thể hiện ở việc nghiên cứu tạo ra công nghệ mới và phổ biến công nghệ chuyển giao trong các ngành khác nhau, tạo năng lực nội sinh của công nghệ để công nghệ tự phát triển trong các môi trường khác nhau. Chi phí cho các hoạt động này thường chiếm tỷ lệ cao trong tổng doanh số bán của chúng ở nước chủ nhà. Các quốc gia như Mỹ và Nhật Bản đầu tư cho hoạt động R&D 3% GDP, Đức và Pháp là 2,3% ; Singapore là 1,1%. Mức đầu tư bình quân đầu người cho

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

R&D cao nhất là Nhật Bản (1.200USD), Mỹ (680USD), Đức (625USD), Pháp (575USD), Singapore (262 USD). Hàn Quốc là quốc gia theo đuổi chiến lược công nghệ cao và đặt mục tiêu đến năm 2010 trở thành 1 trong 10 nước đứng đầu về khoa học công nghệ.

Các TNCs với tiềm lực khoa học công nghệ, vốn đầu tư lớn, độ ngũ các nhà khoa học hùng hầu,… đã và đang đi đầu trong R&D công nghệ, nhiều sản phẩm mới đạt trình độ tiên tiến, nhiều dạng nguyên liệu mới được nghiên cứu và áp dụng với từng mức độ dây truyền công nghệ tiết kiệm năng lượng, phương pháp sản xuất tiên tiến hiện đại. TNCs chiếm tới 80% tổng số công nghệ mới của của toàn thế giới và quyết định đến chiến lược công nghệ của toàn thế giới.

Phát triển công nghệ của TNCs gồm hai giai đoạn: phổ biến và làm chủ hoàn toàn công nghệ. Xét về hoạt động đào tạo và phổ biến công nghệ, TNCs là những tác nhân đi đầu thông qua việc tổ chức các khóa huấn luyện và đào tạo các cán bộ về công nghệ, các khoản trợ giúp tài chính cung cấp các thiết bị giảng dạy, nghiên cứu,.. phát triển hệ thống giáo dục ở nước sở tại làm cho công nghệ được phổ biến rộng rãi. Ngoài ra còn sử dụng các chuyên gia về công nghệ để tiến hành các hoạt động lắp đặt, hướng dẫn, cung cấp các bí quyết cho đội ngũ cán bộ công nghệ để họ làm chủ được công nghệ.

2.3.3. Những vấn đề đặt ra trong chuyển giao công nghệ.

2.3.3.1. Đối với nước sở hữu

Có hai vấn đề:

Thứ nhất: thất nghiệp trong nước tăng do các yếu tố đầu tư dịch chuyển ra nước ngoài.

Thứ hai: khó kiểm soát được nguồn thu nhập của các TNCs ở nước ngoài. Nhiều TNCs thực hiện tái đầu tư ở nước ngoài để trốn thuế thu nhập cao trong nước.

2.3.3.2. Đối với các nước nhận đầu tư

Thứ nhất: tăng nguy cơ phụ thuộc vào bên ngoài. TNCs chỉ chuyển giao từng phần một và luôn giữ lại những yếu tố quan trọng nhất trong dây truyền công nghệ như

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

những bí quyết cơ bản để khống chế nước chủ nhà. Ví dụ các TNCs Nhật Bản thường chuyển giao những công nghệ sử dụng nhiều lao động và nguyên liệu sang các nước NICs. Do đó, dù các doanh nghiệp của các nước NICs không thể phát triển vượt xa các TNCs của Nhật Bản và giúp cho nước này luôn giữ vị trí là "con nhạn đầu đàn" trong mô hình "đàn nhạn bay " ở châu á.

Thứ hai: vấn đề giá chuyển giao. TNCs áp dụng giá chuyển giao để giảm phần lợi nhuận phải chịu thuế, giá chuyển giao ở các nước đang phát triển được tính cao hơn giá trên thực tế.

Thứ ba: gia tăng nạn ô nhiễm môi trường một phần do công nghệ chuyển giao lạc hậu, kém chất lượng và không an toàn. Phần khác là do các dự án đầu tư vào các lĩnh vực như khai thác, công nghiệp chế tạo, hóa chất,… tăng.

Thứ 4: nguy cơ tăng khả năng thất nghiệp và khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2.4. Vai trò của TNCs đối với tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực

2.4.1. Vai trò của TNCs trong tạo việc làm.

2.4.1.1. TNCs tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp.

TNCs là lực lượng cơ bản, có vị trí quan trọng trong tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp. Với một lượng lớn TNCs hoạt động ở hầu hết các quốc gia và trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế thì chúng ta có thể thấy được khả năng tạo việc làm, quy mô của việc làm và số việc làm do chúng tạo ra.

Như vậy, các TNCs làm tăng khối lượng việc làm trên thế giới, bao gồm tăng việc làm ở cả chính quốc và ở nước chủ nhà. Với gần 1 triệu chi nhánh trên toàn thế giới các TNCs là nguồn việc làm khổng lồ cho lực lượng lao động thế giới.

Nhìn chung TNCs thường tạo việc làm ở các ngành công nghiệp và dịch vụ hơn là trong nông nghiệp và các ngành khác. Tỷ lệ lao động trong các ngành công nghiệp chiếm khoảng 4/5 tổng số lao động được TNCs tạo ra. Nhiều việc làm còn tạo ra một cách gián tiếp thông qua các hoạt động liên kết kinh tế, cung cấp dịch vụ cho các công ty nội địa.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Báo cáo Đầu Tư thế giới của UNCTAD năm 2004 thì tỷ lệ lao động làm việc tại các chi nhánh nước ngoài cũng chiếm phần lớn trong tổng cơ cấu lao động của các công ty mẹ. Chẳng hạn, hãng General Electric của Mỹ có 307.000 nhân viên thì trong đó có 142.000 nhân viên tại các chi nhánh, Siemens AG của Đức có 430.000 nhân viên trong đó có 266.000nhân viên làm việc tại các chi nhánh, IBM của Mỹ có 329.000 nhân viên trong đó có 175.832 nhân viên làm việc tại các chi nhánh, Nissan của Nhật có 183.000 nhân viên trong đó có 112.530 nhân viên làm việc tại các chi nhánh. Như vậy, tỷ lệ lao động tại các chi nhánh nước ngoài của các hãng Siemens AG, Nissan, IBM, General Electric lần lượt là 62%, 61%, 53%, và 44%.

Tại nhiều nước các chi nhánh nước ngoài đóng vai trò sống còn trong việc tạo ra việc làm cho người lao động. Tại Singapore, số người làm cho các chi nhánh nước ngoài chiếm trên 50% tổng số lao động trong các ngành sản xuất, tại Ấn Độ, chỉ riêng số người làm trong ngành công nghệ phần mềm đã giải quyết 5 triệu việc làm cho nước này.

cuu duong than cong. com

Tạo việc làm của TNCs luôn gắn với động thái đầu tư trực tiếp của chúng. Đối với các nước đang phát triển, đầu tư trực tiếp của TNCs tạo ra những công ty, nhà máy, cơ sở sản xuất mới, tăng thêm cơ hội việc làm cho người lao động. Để giải quyết việc làm TNCs thường hướng đầu tư nước ngoài vào các ngành cần nhiều công nhân như: ngành dệt, chế biến nông sản. thủ công mỹ nghệ,…

Ở Việt Nam, tính đến cuối năm 2011, FDI của TNCs tạo ra hơn 2,3 triệu việc làm trực tiếp và hàng triệu việc làm gián tiếp, trong đó có hàng vạn kỹ sư, nhà quản lý trình độ cao, đội ngũ công nhân lành nghề, với thu nhập ngày càng tăng, du nhập phương thức lao động, kinh doanh và quản lý tiên tiến.

cuu duong than cong. com

2.4.1.2. Cải thiện điều kiện lao động.

TNCs thể hiện vai trò trong cải thiện điều kiện lao động thể hiện ở thu nhập của người lao động, phương tiện làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp của người lao động. Một thực tế rất rõ là chính ở TNCs là nơi sử dụng lao động có trình độ cao hơn, trang thiết bị hiện đại hơn, do vậy mà năng suất lao động đạt được cao hơn.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tiền lương và thu nhập của người lao động ở khu vực FDI cao hơn nhiều so với các khu vực khác. Ở Việt Nam, người làm việc trong doanh nghiệp nước ngoài với mức lương bình quân cao hơn các khu vực kinh tế trong nước từ 30-50%. Chính nhờ có thu nhập cao mà người lao động có cơ hội để tái bù đắp sức lao động, nhiệt tình gắn bó với công việc. Hàng năm lực lượng lao động này có tổng thu nhập hàng trăm triệu USD, đây là một con số đáng kể góp phần tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động. Ở các nước đang phát triển như Việt Nam,thông qua các dự án đầu tư được thực hiện, TNCs đưa các thiết bị kỹ thuật, dây truyền máy móc và công nghệ vào nước nhận đầu tư để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Những người tiếp quản để thực hiện quá trình sản xuất đó có một số rất ít là người nước ngoài còn lại là người lao động bản địa. Đây là cơ hội tốt cho người lao động đại phương tiếp cận với máy móc, thiết bị hiện đại, quy trình tiên tiến của TNCs để phát triển nghề nghiệp, nâng cao tay nghề.

Điều kiện lao động trong TNCs cũng có phần đảm bảo hơn, các hợp đồng lao động quy định rõ ràng. Theo thống kê ở nước ta, trong 6 tháng đầu năm 2011, lực lượng đóng bảo hiểm đủ nhất là khối doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, với mức 70%. Ngoài ra, các khối doanh nghiệp khác mức đóng bảo hiểm xã hội chưa được một nửa.

Cơ hội phát triển nghề nghiệp trong các TNCs là rất lớn. Ngoài việc tiếp cận với công nghệ , thiết bị hiện đại, người lao động còn có cơ hội đươc cử đi đào tạo ở các nước tiên tiến thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng. Môi trường làm việc quốc tế năng động cũng giúp nâng cao khả năng giao tiếp và trình độ ngoại ngữ.

Như vậy, khi TNCs vào hoạt động thì nước nhận đầu tư không chỉ từ việc mở rộng sản xuất và cải thiện cơ hội việc làm, mà còn từ việc tiếp cận các phương tiện lao động.

2.4.2. Vai trò của TNCs đối với phát triển nguồn nhân lực.

TNCs là lực lượng cơ bản trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhân tố quan trọng trong sản xuất. Nguồn nhân lực là nhaanntoos quyết định, động lực chính tạo nên sự thành công của TNCs.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Nguồn nhân lực, về mặt số lượng được thể hiện qua tổng số người trong độ luật pháp cho phép lao động còn về mặt chất lượng được thể hiện bằng trình độ chuyên môn và sức khỏe của họ. Như vây, phát triển nguồn nhân lực có thể hiểu là hoạt động nhằm nâng cao và khuyến khích đóng góp tốt hơn kiến thưc và thể lực cho người lao động, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất. như vậy xét vai trò của TNCs trong phát triển nguồn nhân lực phải bao gồm một số quá trình: sức khỏe và dinh dưỡng, giáo dục và đào tạo, năng lực quản lý.

2.4.2.1. TNCs với sức khỏe và dinh dưỡng.

TNCs có vai trò đáng kể đối với tăng cường sức khỏe và dinh dưỡng ở các nước mẹ và các nước chủ nhà bằng con đường cắm nhánh thông qua FDI. TNCs thực hiện sản xuất và phân phối một khối lượng lớn các loại dược phẩm, thiết bị y tế và chế biến thực phẩm với chất lượng cao ở nước chủ nhà.

Chính TNCs là lực lượng có vai trò to lớn trong các lĩnh vực và ngành nghề của nền kinh tế, đặc biệt trong ngành dịch vụ xã hội. Sự tiến bộ của khoa học công nghệ, mức sống của người lao động được nâng cao và các chương trình phục vụ sức khỏe người lao động đã kích thích ngành y tế phát triển.

McDonald’s là thương hiệu có tốc độ tăng trưởng lớn nhất trong thị trường đồ ăn nhanh ở hơn 100 quốc gia trên thế giới. McDonald's phục vụ 1% dân số thế giới mỗi ngày. McDonald’s bán được hơn 75 chiếc bánh hamburger mỗi giây. Với doanh thu 24 tỷ USD, McDonald’s hiện là “nền kinh tế” lớn thứ 90 trên thế giới.

Ở Việt Nam có 73 dự án đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội, với tổng vốn đăng ký hơn 1 tỷ USD, con số này đã và đang tiếp tục tăng.

2.4.2.2. TNCs với giáo dục và đào tạo.

Về giáo dục:

Thông qua các khoản trợ giúp tài chính dưới nhiều hình thức khác nhau và việc mở các lớp đào tạo, dạy nghề TNCs đã góp phần cải thiện môi trườn giáo dục ở các nước nhận đầu tư .

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Trong quá trình làm việc tại các cơ sở nghiên cứu người lao động được giới thiệu, hiểu biết về luật pháp, rèn luyện kỹ năng, nâng cao trình độ và đúc rút kinh nghiệm.

Thông qua đầu tư, TNCs bổ sung nguồn vốn quan trọng vào các quỹ phát triển giáo dục, đồng thời các nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp đóng góp vào việc cung cấp các trang thiết bị, phục vụ cho sự nghiệp giáo dục (dưới dạng quà tặng) cho các cơ sở giáo dục nước chủ nhà, đóng góp vào quỹ khuyến học.

Về đào tạo:

Thông qua FDI, TNCs góp phần thúc đẩy người lao động phát triển tri thức, góp phần tích cực đối với sự nghiệp đào tạo của nước chủ nhà, nhất là đào tạo tay nghề, thành lập các cơ sở đào tạo, tổ chức các khóa đào tạo nghề cho người lao động trong các dự án. TNCs thường có các hoạt động tài trợ tài chính cho các chương trình nghiên cứu và đào tạo tay nghề, kỹ năng quản lý; cung cấp các thiết bị cho các trường đại học, dạy nghề, viện nghiên cứu,… Chẳng hạn, TNCs của Anh và Mỹ thường trợ giúp đào tạo các nhà quản lý chuyên nghiệp cho các hoạt động kinh doanh quốc tế. Nestle và Alean đã xây dựng các trung tâm đào tạo cán bộ lớn như IMEDE và IMI ở Châu Âu,…Cũng nhờ phương pháp cử lao động đi đào tạo ở nước ngoài, con người được tôi luyện để trở thành lực lượng chủ chốt. TNCs có những hoạt động đào tạo nhân lực được coi là một hình thức chuyển giao công nghệ cho dự án đầu tư.

2.4.2.3. TNCs với nâng cao năng lực quản lý

Thông qua các hoạt động của TNCs, người lao động sẽ tiếp thu kỹ năng công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Đồng thời thông qua các hoạt động chuyển giao công nghệ, TNCs góp phần nâng cao kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý đến trình độ nhất định đáp ứng nhu cầu công việc.

2.5. Rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các nước trên thế giới

Lý thuyết về vòng luẩn quẩn của Samuelson đã chỉ ra rằng, các nước nghèo, kém phát triển sẽ luôn tồn tại xoay quanh một vòng luẩn quẩn mà không thể nào thoát ra

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

được nếu không có sự tác động bên ngoài phá vỡ nó. Nghèo đói làm cho các quốc gia này không có vốn dư thừa để tích lũy cho quá trình phát triển, thêm vào đó là cơ sở sản xuất nghèo nàn, lạc hậu. Điều này làm cho năng suất lao động ở các nước nghèo này là rất thấp, trình độ văn hóa thấp. Năng suất lao động thấp dẫn đến thu nhập thấp và cứ thế nghèo đói cứ tiếp diễn. Để phá vỡ vòng luẩn quẩn này Samuelson chỉ ra rằng cần phải có tác nhân bên ngoài tác động vào và TNCs chính là tác nhân quan trọng này.

Hình 2.3: Vòng luẩn quẩn của các nước nghèo đói

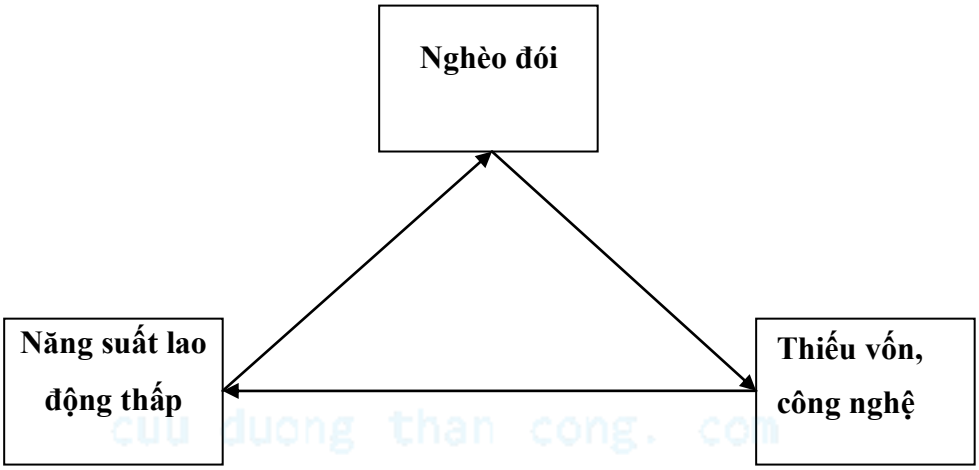

(nguồn: lý thuyết vòng luẩn quẩn của Samuelson)

Với tiềm lực về tài chính lớn, nắm dữ khoa học công nghệ cao các TNCs đã giúp cho các nước này có vốn và khoa học công nghệ mới. Được tích lũy về vốn và có các dây chuyền sản xuất tốt sẽ làm năng suất lao động của các nước này được nâng cao và dẫn đến thu nhập quốc dân tăng lên. Thu nhập quốc dân tăng thì quốc gia đó sẽ có vốn tích lũy để tái đầu tư vào quá trình sản xuất. Cứ thế các nước này sẽ phát triên nhanh và thoát hoàn toàn khỏi nghèo đói và có thể rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước đi trước.

Vậy TNCs có vai trò rất quan trọng trong việc giúp các quốc gia phát triển kinh tế từ đó rút ngắn được khoảng cách phát triển giữa các quốc gia với nhau. Nói cách khác, TNCs chính là tác nhân quan trọng trong việc phát triển kinh tế trên toàn cầu.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

CHƯƠNG 3: TÁC ĐỘNG CỦA TNCs TỚI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

3.1. Tác động tích cực của TNCs trong nền kinh tế Việt Nam

3.1.1. Tạo tiềm lực phát triển

Là một trong những nước nghèo trên thế giới bước ra từ hai cuộc chiến tranh thế giới Việt Nam là một nước nghèo nàn với nền kinh tế nông nghiệp làm chủ yếu, năng suất lao động thấp, thiếu vốn, thiếu công nghệ. Nếu của các tổ chức phi chính phủ để giúp phát triển cơ sở hạ tầng ở Việt Nam thì TNCs có vai trò cung cấp vốn và công nghệ cho việc phát triển kinh tế của Việt Nam dưới dạng đầu tư FDI. Với tiền lực về tài chính lớn và khoa học công nghệ cao của các TNCs đã giúp cho năng suất lao động của người lao động Việt Nam ngày càng tăng. Thêm vào đó người lao động còn được tiếp xúc với những tri thức mới kiến thức mới và được đào tạo một cách chuyên sau hơn. Là một nước đi sau trong việc phát triển kinh tế, khoa học công nghệ chưa phát triển thì việc chuyển giao công nghệ của các TNCs vào Việt Nam đã giúp cho Việt Nam rút ngắn được thời gian phát triển và khoảng cách với các nước đi trước. Hơn thế nữa việc tiếp cận với khoa học hiện đại đã giúp cho Việt Nam định hướng được những yêu cầu cần thiết cho sự phát triển kinh tế để bắt kịp với sự phát triển của thế giới

Hình 3.1: Xu hướng biến động vốn đầu tư FDI vào Việt Nam giai đoạn 2007-2011

Đơn vị: tỷ USD

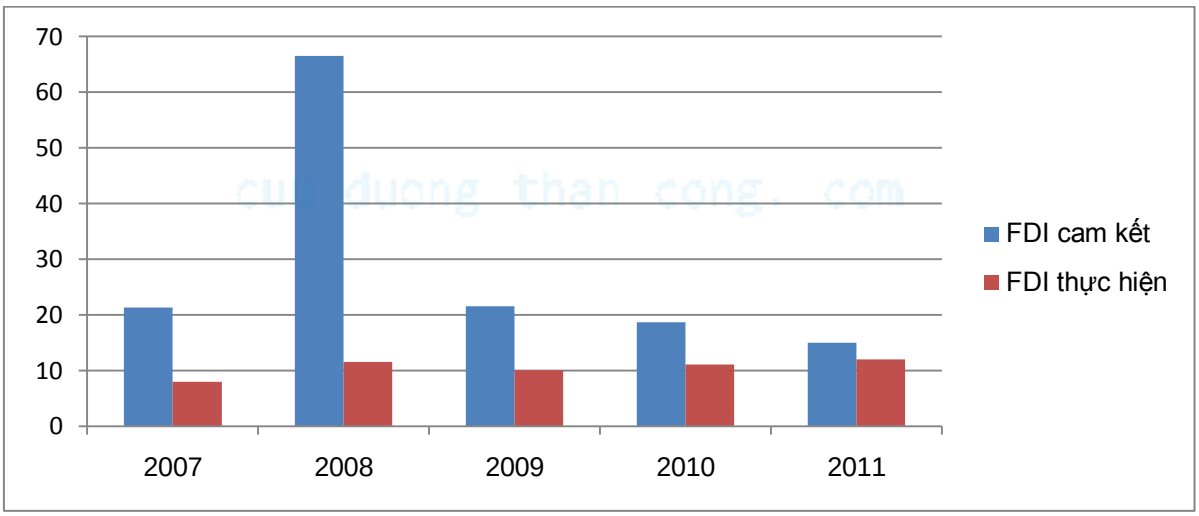

(nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư)

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Với dạng đầu tư trực tiếp (FDI) TNCs đã có vai trò rất quan trong trọng việc phát trong việc giúp Việt Nam thoát khỏi vòng luẩn quẩn của nghèo đói bằng việc đầu tư vốn và công nghệ.

3.1.2. Tác động tới cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán bao gồm hai tài khoản đó là cán cân tài khoản vãng lai và cán cân tài khoản vốn. Việc hoạt động của các TNCs trên thị trường Việt Nam đều có tác động mạnh tới cán cân tài khoản vãng lai và cán cân tài khoản vốn của Việt Nam.

Hình 3.2: Thành phần của cán cân thánh toán của Việt Nam từ năm 2006-2011

Đơn vị:triệu USD

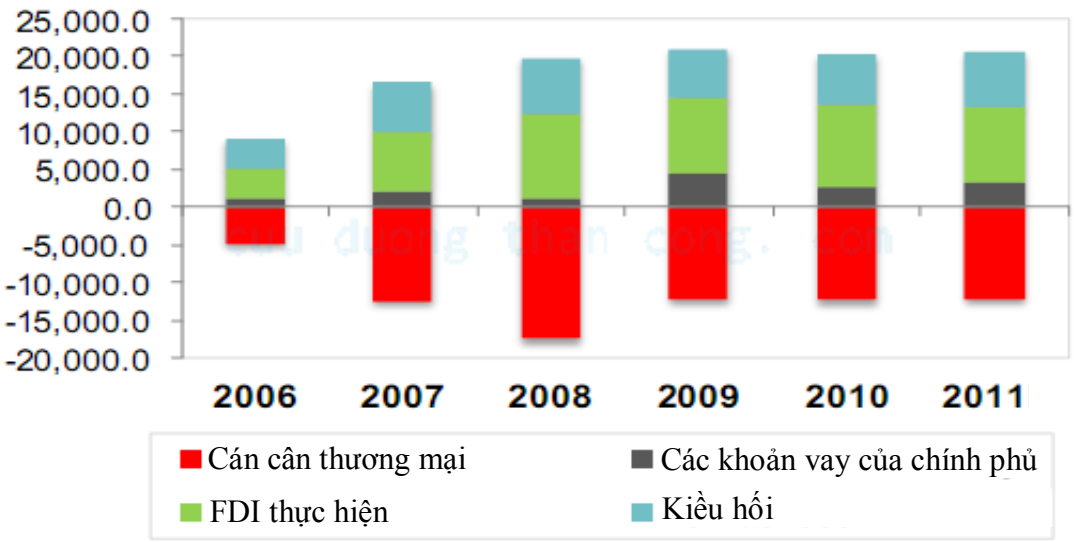

(nguồn:Quỹ tiền tệ quốc tế IMF)

Cán cân thanh toán Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2006-2011 đó là cán cân thương mại, FDI thực hiện, các khoản vay và kiều hối. Nhìn vào hình 3.1 ta có thể thấy được FDI thực hiện chiếm tỉ trong khá lớn trong các thành phần của cán cân thanh toán Việt Nam. Điều này cho thấy được vai trò lớn của các TNCs trong thành dự trữ ngoại hối của Chính phủ. Mức dự trữ ngoại hối thấp ảnh hưởng rất lớn tới sự ổn định nền kinh tế và hiệu của những chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Điều này cho thấy được vai trò khá quan trọng của TNCs tới nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong khi cán cân thương mại của Việt Nam còn ở mức thâp hụt lớn.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Hình 3.3: Tỷ trọng 10 nhóm hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp trong nước 9 tháng2011

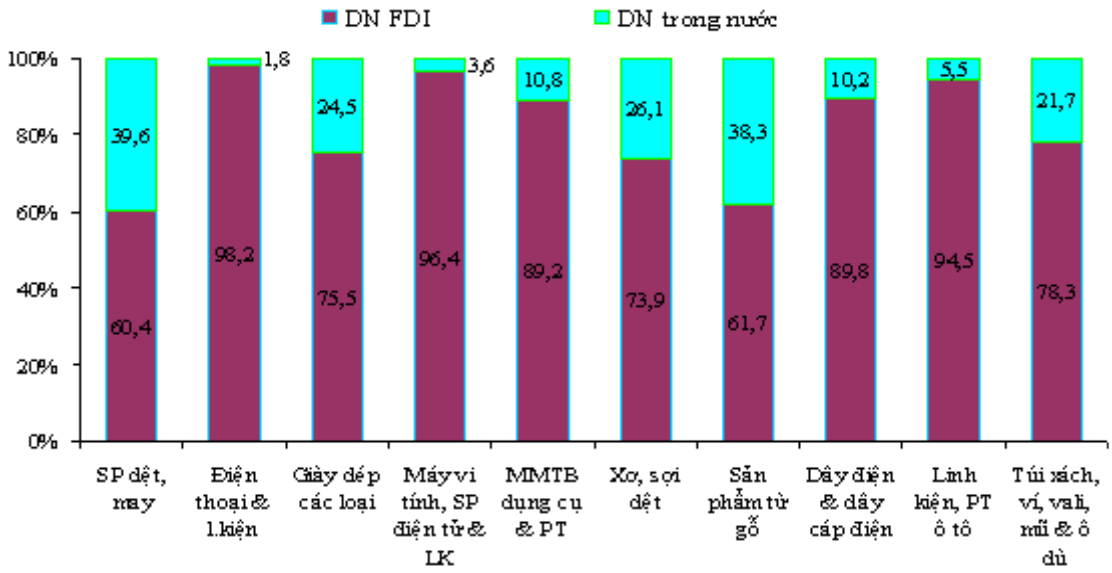

(nguồn: bộ kế hoạch và đầu tư)

Hình 2.1, hình 3.3 cho thấy vai trò lớn của các công ty có FDI đối với giá trị xuất khẩu hàng hóa dịch vục của Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI có giá trị hàng xuất khẩu chiếm tỉ trọng khá cao, đặc biệt là các ngành yêu cầu có hàm lượng khoa học công nghệ cao như điện thoại, linh kiện điện tử, máy vi tính... Kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI tăng nhanh, 2001 - 2005 là 57,8 tỷ USD, 2006 - 2010 là 154,9 tỷ USD, bằng 2,67 lần, chiếm 55% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (kể cả dầu thô).

3.1.3. Tác động tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Lĩnh vực hoạt động của các TNCs đó là công nghiệp và dịch vụ vì thế sự phát triển của các TNCs ở Việt Nam sẽ tạo điều kiện cho ngành công nghiệp và dịch vụ của Việt Nam phát triển. Điều này làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam sang các ngành có năng suất lao động cao và mang lại giá trị lớn cho xã hội.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Hình 3.4: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2009-2011

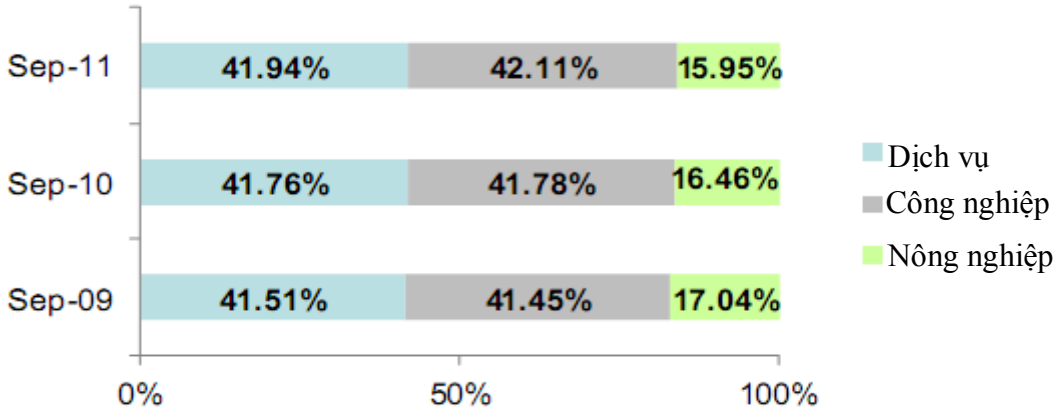

(nguồn: Tổng cục thống kê)

Nhìn vào hình 3.4 cho chúng ta thấy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế cơ Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2009-2011. Tỉ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ có xu hướng tăng lên, còn tỉ trọng của ngành nông nghiệp đang có xu hướng giảm xuống. Điều này cho thấy tác động tích cực TNCs tới nền kinh tế Việt Nam. FDI tạo ra khoảng 40% giá trị sản lượng công nghiệp, có tốc độ tăng khá cao, 2001- 2010 tăng 17,4%/năm trong khi toàn ngành công nghiệp tăng 16,3%/năm.

3.1.4. Nâng cao năng suất lao động và giải quyết tình trạng thất nghiệp

Các công ty xuyên quốc gia đã tác động đến việc phát triển nguồn nhân lực theo cả hai cách trực tiếp và gián tiếp. Thông qua các dự án đầu tư, các công ty xuyên quốc gia đã đào tạo lực lượng lao động địa phương để phục vụ cho nhu cầu hoạt động của công ty mình. Đồng thời sự hoạt động của chúng cũng đã tạo ra rất nhiều cơ hội, động lực cho sự phát triển của lực lượng lao động theo đuổi mục tiêu có thu nhập cao. Đặc biệt đối với các nước đang phát triển như Việt Nam thì vai trò của các công ty xuyên quốc gia lại càng trở nên quan trọng hơn, nó giúp các nước này phát triển nguồn lực lao động, nhất là đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý, từ đó tạo tiền đề quan trọng để nâng cao năng suất lao động. Lao động trong các công ty xuyên quốc gia được đào tạo tại nước hoặc tại nước ngoài, ngoài ra yêu cầu của TNCs về lao động buộc nước chủ nhà phải tổ chức thay đổi các chương trình giảng dạy để phù hợp với yêu cầu của sự phát triển khoa học công nghệ cao trong các TNCs.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tính đến cuối năm 2011, khu vực FDI tạo ra hơn 2,3 triệu việc làm trực tiếp và hàng triệu việc làm gián tiếp, trong đó có hàng vạn kỹ sư, nhà quản lý trình độ cao, đội ngũ công nhân lành nghề, với thu nhập ngày càng tăng, du nhập phương thức lao động, kinh doanh và quản lý tiên tiến.

3.2. Những tác động tiêu cực của TNCs tới nền kinh tế Việt Nam

Bên cạnh những tác động tích cực, sự hoạt động của các công ty xuyên quốc gia cũng đã gây ra một số các ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam.

Thứ nhất, mục tiêu của các công ty xuyên quốc gia là lợi nhuận, thị phần, doanh số, ưu thế cạnh tranh và phát triển ổn định. Nó thường xuyên mâu thuẫn với mục tiêu, chiến lược chung về phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam là tăng trưởng đồng đều, cao và bền vững. Vì vậy các công ty xuyên quốc gia thường lựa chọn đầu tư vào các lĩnh vực có thị trường, bảo toàn được vốn và thu được lợi nhuận cao; còn các ngành có lãi suất thấp, yêu cầu đầu tư vốn lớn, chuyển vốn chậm lại không thu hút được các công ty xuyên quốc gia đầu tư vào.

cuu duong than cong. com

Thứ hai, một số công ty xuyên quốc gia đã lạm dụng các ưu thế về vốn, công nghệ để thao túng và gây hậu quả xấu cho liên doanh, thậm chí có một số công ty xuyên quốc gia còn gây sức ép với các cơ quan quản lý nhà nước. Hiện tượng khai khống thiết bị và công nghệ để tính tăng giá đầu vào, đánh tụt xuất khẩu để hạ thấp giá đầu ra của các công ty xuyên quốc gia đã là hiện tượng phổ biến khiến cho không ít các doanh nghiệp liên doanh bị thua lỗ, giải thể. Có một số doanh nghiệp vi phạm luật lao động của Việt Nam đã gây không ít trở ngại cho trật tự an toàn xã hội và cho tiến trình sản xuất. Ngoài ra, có một số công ty xuyên quốc gia đã lên án mạnh mẽ các chính sách của Việt Nam như nặng về bảo hộ, có phân biệt đối xử... khi xin cấp phép đầu tư; nhưng khi đã được cấp phép thì họ lại là những người đòi bảo hộ mạnh mẽ nhất để hướng tới độc quyền.

cuu duong than cong. com

Thứ ba, các TNCs ở Việt Nam chủ yếu là các TNCs loại hai (nghĩa là không bắt nguồn từ công ý mẹ), tiếp theo đó là các dự án đầu tư vào Việt Nam chủ yếu nhằm tận dụng nguồn lao động rẻ và khai thác tài nguyên phong phú đồng nghĩa với việc công nghệ được chuyển giao tới Việt Nam đã cũ và lạc hậu. Điều này không những làm hiệu

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

quả sản xuất thấp mà còn làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống.

3.3. Những vấn đề đặt ra đối với hoạt động thu hút TNCs ở Việt Nam

3.3.1. Tạo lấp đối tác đầu tư trong nước

Đối tác đầu tư có năng lực và biết làm ăn với nước ngoài chính là một nhân tố hấp dẫn các công ty xuyên quốc gia, giúp cho chúng ta có thể quan hệ bình đẳng với họ và tăng thêm thế thương lượng của nước mình. Bên cạnh đó, khi đầu tư vào một nước để hạn chế rủi ro, các nhà đầu tư thường tìm kiếm đối tác là các công dân nước chủ nhà. Vì vậy việc tạo lập đối tác đầu tư trong nước là vô cùng quan trọng.

Để tạo lập các đối tác đầu tư trong nước chúng ta cần tiếp tục củng cố và phát triển các doanh nghiệp, xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh. khuyến khích đầu tư phát triển các thành phần kinh tế và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Cùng với sự nỗ lực của nhà nước, bản thân các doanh nghiệp cũng cần phải không ngừng phấn đấu vươn lên, quyết tâm đổi mới tổ chức quản lý, tự chủ, năng động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh để trở thành các đối tác tương xứng, liên doanh có hiệu quả với các công ty xuyên quốc gia.

3.3.2. Thay đổi cơ chế quản lý và bộ máy hành chính

Cơ chế quản lý và năng lực quản lý của Nhà nước giữ vai trò quyết định trong việc tạo lập môi trường đầu tư. Cơ chế quản lý ngày càng hoàn thiện, được thực hiện bởi một bộ máy quản lý mạnh sẽ tạo được sự tin tưởng của các công ty xuyên quốc gia vào sự ổn định và cởi mở của môi trường đầu tư. Như vậy muốn thu hút được các công ty xuyên quốc gia thì chúng ta phải quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý và bộ máy quản lý của mình. Việc xây dựng bộ máy quản lý đầu tư cần được thực hiện theo hướng:

Toàn bộ quá trình tiếp nhận cho đến việc cấp phép đầu tư phải thực hiện theo nguyên tắc một cửa, một đầu mối.

Tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện đầu tư để kịp thời hỗ trợ, điều chỉnh hoạt động đầu tư khi cần thiết.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Phân cấp cấp giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động đầu tư, nhưng cần có cơ chế điều phối kiểm soát hữu hiệu để đảm bảo quản lý thống nhất nhằm hạn chế tiêu cực và cạnh tranh không lành mạnh.

Tăng cường công tác thông tin, tư vấn, tận dụng thành quả cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới.

Nâng cao năng lực chuyên môn, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý

3.3.3. Phát triển cơ sở hạ tầng

Kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật được coi là hệ thống xương cốt, bắp thịt của nền kinh tế để tiếp nhận, thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là thu hút các công ty xuyên quốc gia. Trong điều kiện nước ta hiện nay chưa cho phép chi những khoản đầu tư lớn vào lĩnh vực này, chúng ta cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng theo hướng sau:

Cố gắng giải quyết tốt các mối quan hệ về kinh tế, chính trị với các quốc gia, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức kinh tế để có được những khoản hỗ trợ phát triển chính thức đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng.

Xây dựng và phát triển các đặc khu kinh tế để tiếp nhận các nguồn vốn và kỹ thuật cao của nước ngoài.

Có kế hoạch dài hạn và trung hạn để huy động các tiềm năng của toàn dân cho xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật.

Quan tâm xây dựng thể chế kinh tế, chính trị theo hướng khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài. Quan tâm tới giáo dục, đặc biệt là công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và pháp luật để nâng cao giác ngộ cho người lao động. Nâng cao vai trò đòn bẩy kinh tế của các công cụ tài chính tiền tệ bằng cách lành mạnh hoá hệ thống này.

Chú trọng tới việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật ở nông thôn, đặc biệt là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa tạo ra tiền đề và điều kiện cần thiết để những vùng này có thể tăng trưởng và phát triển nhanh hơn.

3.3.4. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ bức xúc để nâng cao chất lượng lao động, tạo điều kiện để tăng tính hấp dẫn đối với việc thu hút các công ty xuyên quốc

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

gia. Để phát triển nguồn nhân lực cho cả trước mắt và lâu dài, chúng ta cần quan tâm đến một số mặt sau:

Cần có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ lao động hiện có và phổ cập nghề cho lực lượng lao động xã hội. Gắn đào tạo và dạy nghề với thực tế đời sống sản xuất đảm bảo cho lực lượng lao động thích ứng được với yêu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Điều chỉnh cơ cấu đào tạo hợp lý giữa việc đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, lao động có tay nghề cao với đội ngũ cán bộ quản lý; giữa các ngành, các nghề..

Mở rộng và phát triển các trung tâm dạy nghề, phối hợp với các nhà đầu tư nước ngoài đào tạo nghề cho người lao động.

Đa dạng hoá các hình thức đào tạo. Huy động mọi lực lượng, thành phần tham gia vào lĩnh vực giáo dục đào tạo.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Phần kết luận

Trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới hiện nay, sự phát triển ngày càng lớn mạnh của các TNCs cho thấy được vai trò ngày càng quan trọng của chúng. Với việc sở hữu tới 80% khoa học công nghệ cao trên thế giới, 80% đầu tư quốc tế và 60% giá trị thương mại toàn cầu đã cho thấy được vai trò của TNCs tới sự phát triển của thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, sự phát triển của khoa học công nghệ và năng suất lao động. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc thu hút sự đầu tư phát triển của các TNCs của các nước trên thế giới.

Bài nghiên cứu cho thấy được vai trò của các TNCs đối với nền kinh tế Việt Nam trong công cuộc phát triển kinh tế, chỉ ra những hạn chế và một số tác động tiêu cực của TNCs đối với nền kinh tế Việt Nam. Qua đó đề xuất một số chính sách nhằm thu hút TNCs vào Việt Nam và những biện pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực mà TNCs mang lại.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tài liệu tham khảo

1. Tiếng Việt

1.1. PGS.TS Phùng Xuân Nhạ (1997); *giáo trình đầu tư quốc tế;* Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

1.2. PGS.TS Phùng Xuân Nhạ (2006*); Các công ty xuyên quốc gia: lý thuyết và thực tiễn;* Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

1.3. Website bộ kế hoạch và đầu tư: http://www.mpi.gov.vn

2. Tiếng Anh

2.1. International Monetary Fund: http://www.imf.org/external/index.htm

2.2. UNCTAD (2006), *World Investment Report*

2.3. UNCTAD (2008), *World Investment Report*

2.4. UNCTAD (2011), *World Investment Report*

2.5. World Bank: http://www.worldbank.org/

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt